

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2020/HS-ST

Ngày: 24-9-2020

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Huy Toàn.

Thẩm phán: Ông Lê Quân Vương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Đẹp;
2. Ông Bùi Quang Ân;
3. Bà Trương Thị Thu Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trương Xuân Văn - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 18 và 24 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 103/2020/TLST-HS ngày 07 tháng 8 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2020/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 9 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Vương Minh K; tên gọi khác: K Chùa; sinh năm 1989 tại tỉnh Bình Dương; nơi thường trú: ấp L, xã L1, huyện D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: lớp 9/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vương Minh D và bà Nguyễn Thị H; có vợ là bà Văn Thị Thanh H1; có 01 người con, sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giam từ ngày 04/7/2019 đến nay; có mặt.

2. Nguyễn Tuấn K1; tên gọi khác: B, X; sinh năm 1996 tại tỉnh Bình Dương; nơi thường trú: ấp Đ, xã A, huyện D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: lớp 6/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh T và bà Đặng Thị T1; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giam từ ngày 04/7/2019 đến nay; có mặt.

3. Lê Thanh V; tên gọi khác: T2; sinh ngày 20/6/2001 tại tỉnh Bình Dương; nơi thường trú: ấp H, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: lớp 7/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T3 và bà Phan Thị H2; tiền án, tiền sự: không; bị tạm

giám tại Nhà Tạm giữ - Công an huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương trong một vụ án khác; có mặt.

Người bào chữa chỉ định cho bị cáo K: Ông Lê Minh L - Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư N - Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương; địa chỉ: số X, Quốc lộ Y, tổ Z, khu phố 2, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương, có mặt.

Người bào chữa chỉ định cho bị cáo K1: Ông Nguyễn Phước L1 - Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH MTV C - Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương; địa chỉ: số X, đường N1, khu phố Y, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

Người bào chữa chỉ định cho bị cáo V: Ông Lê Bảo Q - Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH MTV L - Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương; số X, đường T, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

Các bị hại:

1. Ông Nguyễn Văn T4, sinh năm 1987; nơi cư trú: ấp Đ, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương, có mặt.

2. Ông Chung Tài C, sinh năm 1986; nơi cư trú: ấp Đ, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương, có mặt.

3. Ông Nguyễn Văn D1, sinh năm 1983; nơi cư trú: ấp Đ, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Văn Thị Thanh H3, sinh năm 1985; nơi thường trú: ấp H, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương, có mặt.

2. Bà Đặng Thị T5, sinh năm 1975; nơi thường trú: ấp Đ, xã A, huyện D, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- Người làm chứng:

1. Ông Nguyễn Trung T6, có mặt.

2. Bà Trần Thanh T7, vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Trung H4, có đơn xin vắng mặt.

4. Bà Nguyễn Ngọc T8, vắng mặt.

5. Ông Nguyễn Hữu Đ, vắng mặt.

6. Ông Nguyễn Thanh T9, vắng mặt.

7. Ông Nguyễn Đại L2, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vương Minh K và ông Nguyễn Văn D1 là bạn bè. Ngày 12/4/2019, ông D1 giao cho K 01 xe mô tô để vay 20.000.000 đồng. Do K chỉ có 10.000.000 đồng nên

K vay của Nguyễn Tuấn K1 thêm 10.000.000 đồng để đưa cho ông D1. Ngày 15/4/2019, do cần tiền nên K giao xe mô tô của ông D1 cho ông Nguyễn Thanh T9 để vay 10.000.000 đồng và dặn ông T9 nếu ông D1 có hỏi thì nói K thế chấp chiếc xe trên với số tiền 20.000.000 đồng, nếu ông D1 chuộc xe thì ông T9 đưa thêm cho K 10.000.000 đồng, ông T9 đồng ý. Sau đó, K nói cho ông D1 biết là K đã cầm cố chiếc xe của ông D1 cho ông T9 với số tiền 20.000.000 đồng và nói ông D1 đến gặp ông T9 để chuộc xe. Ngày 16/4/2019, ông D1 trả trước cho ông T9 14.500.000 đồng để chuộc xe, còn 5.500.000 đồng sẽ trả sau, ông T9 đồng ý. Sau đó, ông T9 gọi K đến lấy 4.500.000 đồng, còn 5.500.000 đồng khi nào ông D1 trả thì ông T9 sẽ đưa cho K.

Ngày 18/4/2019, ông D1 vẫn chưa trả tiền cho K nên K nhiều lần gọi điện thoại yêu cầu ông D1 trả tiền nhưng ông D1 nói chỉ nợ tiền của ông T9, không nợ tiền của K. Khoảng 14 giờ ngày 19/4/2019, trong lúc ông D1 cùng với bạn là các ông Nguyễn Văn T4 và Chúng Tài C đang ngồi uống bia tại quán Út T10 thuộc ấp L, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương, K tiếp tục gọi điện thoại cho ông D1 thì ông D1 nói: “Tao có nợ tiền gì mà mày mà đòi, mày muốn gì thì đến quán Út T10 gặp tao”. Nghe ông D1 nói vậy, K gọi điện thoại nói cho K1 biết và rủ K1 cùng đến quán Út T10 gặp ông D1 để lấy tiền. Đồng thời, K gọi điện thoại nói cho Lê Thanh V biết và rủ V đi cùng K, K1 đến quán Út T10 gặp ông D1 để giải quyết nợ, V đồng ý. K nói V mang hàng theo (nghĩa là hung khí như dao tự chế, mã tấu). Lúc này, V đang cùng bạn là ông Nguyễn Trung T6 đang chơi trên khu vực hồ Dầu Tiếng nên V rủ ông T đi cùng nhưng chỉ nói với ông T6 là qua xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương để ăn uống. V điều khiển xe mô tô chở ông T6 về nhà của V ở xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương dựng xe ngoài đường, ông T6 ngồi trên xe chơi trò chơi điện tử trong điện thoại, V đi bộ vào trong nhà lấy 04 dao tự chế đã bỏ sẵn trong túi đựng cần câu (mỗi dao dài từ khoảng 50cm đến 100cm) đeo vào lưng rồi chở ông T6 đến gặp K và K1 ở khu vực ngã ba xã Đ. V đưa túi đựng dao cho K, K điều khiển xe mô tô đi một mình, V điều khiển xe mô tô chở ông T6 và ông K1 điều khiển xe mô tô đi một mình cùng đến quán Út T10. Khi đến quán, K, V và K1 dựng xe mô tô ở sân quán, V và ông T6 vào bàn đầu đối diện với sân của quán ngồi, còn K và K1 đi vào chòi lá số 03 gặp ông D1. Bước vào chòi, K dùng chân đá đổ một quạt cây và một ghế nhựa nên ông T4 đứng dậy nói lớn: “Chỗ người ta đang nhậu, tụi bay từ đâu đến mà đập phá đồ vậy à?” và cầm một vỏ chai bia đánh K nhưng không trúng, K lao vào đánh ông T4 nhưng ông D1 ôm K kéo lại làm K và ông D1 ngã xuống đất phía trước cửa chòi số 03, K vùng dậy chạy ra xe mô tô mở túi lấy 02 dao chạy vào đưa cho K1 một dao. Thấy K và K1 cầm 02 dao mã tấu quay vào thì ông D1 bỏ chạy ra phía trước, K vào chòi số 03 dùng mã tấu chém 02 nhát vào vùng đầu của ông T4 nhưng ông T4 dùng tay trái và ghế nhựa giơ lên đỡ nên bị đứt khuỷu tay trái và lưng bàn tay phải, ghế nhựa bị bể. Lúc này, V đang ngồi ở bàn trước quán thấy vậy nên chạy lại túi để trên xe mô tô của K lấy 01 mã tấu đưa cho ông T6 và cầm 01 mã tấu chạy vào chòi số 03 chém ông T4, ông T4 đưa ghế đỡ nên trúng vào ghế. Ông T4 qua hông chòi thoát ra ngoài thì K chạy theo chặn lại, đứng đối diện và hai tay cầm mã tấu đưa lên cao chém 01 nhát từ trên xuống đầu ông T4 nhưng ông T4 quay người chạy nên bị trúng sườn vùng thái

đương trái. Thấy K chém ông T4 nên ông C chạy lại ôm K quật ngã xuống đất. Ông C vừa đứng dậy thì K1 chạy đến đứng đối diện, tay phải cầm mã tấu chém 01 nhát từ trên xuống vùng đầu của ông C, ông C đưa cánh tay trái lên đỡ nên bị đứt cổ tay trái và một phần dao trúng vào giữa đỉnh trán. Các ông C và T4 bỏ chạy vào nhà vệ sinh phía dưới quán chốt cửa lại và ông Nguyễn Đại L2 đến can ngăn, giật mã tấu trên tay K, K1, V và ông T6. Sau đó, ông L2 trả lại mã tấu cho V rồi K, K1, V và ông T6 lên xe đi về, các ông T4 và C được đưa đi cấp cứu tại bệnh viện.

Vật chứng đã thu giữ gồm: 02 chiếc ghế màu đỏ có tựa lưng, đã bị bẻ gãy thành nhiều mảnh; 02 chiếc lồng màu trắng của quạt máy; 01 dao tự chế dài 52cm do K1 giao nộp.

Đối với 03 dao tự chế mà K, K1 và V đã sử dụng: sau khi gây án V đã vứt bỏ. Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không thu hồi được.

Tại Bản kết luận giám định số 201/2019/GĐPY ngày 17/5/2019 và Công văn trả lời về việc giám định cơ chế hình thành vết thương số 77/CV ngày 22/7/2019 của Trung tâm Pháp y - Sở Y tế tỉnh Bình Dương xác định đối với thương tích của ông Chúng Tài C: tỷ lệ tổn thương cơ thể của bị hại Chúng Tài C do thương tích gây nên hiện tại là 17%.

Tại Bản kết luận giám định số 204/2019/GĐPY ngày 21/5/2019 và Công văn về việc giám định cơ chế hình thành vết thương số 76/CV ngày 22/7/2019 của Trung tâm Pháp y - Sở Y tế tỉnh Bình Dương xác định đối với thương tích của ông Nguyễn Văn T4: tỷ lệ tổn thương cơ thể của bị hại Nguyễn Văn T4 do thương tích gây nên hiện tại là 32%.

Đối với ông Nguyễn Trung T6: quá trình điều tra xác định ông T6 được V rủ đi, không biết trước mục đích của K, K1 và V đi đánh nhau, không nhìn thấy V mang theo hung khí, khi xảy ra đánh nhau tại quán Út T10, ông T6 được V đưa cho 01 mã tấu nhưng theo phản xạ ông T6 cầm lấy và đứng tại chỗ phía ngoài sân, không tham gia đánh nhau nên Cơ quan điều tra không xử lý.

Trách nhiệm dân sự: bị hại Nguyễn Văn T4 yêu cầu các bị cáo bồi thường chi phí điều trị, bồi thường tổn hại sức khỏe và bù đắp tổn thất về tinh thần 170.000.000 đồng. Bị hại Chúng Tài C yêu cầu các bị cáo bồi thường chi phí điều trị, ngày công lao động và tổn hại sức khỏe 100.000.000 đồng. Bà Đặng Thị T1 (là mẹ của bị cáo K1) và bà Văn Thị Thanh H1 (là vợ của bị cáo K) đã bồi thường cho bị hại T4 30.000.000 đồng và bị hại C 20.000.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 73/CT-VKS.P2 ngày 04/8/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương quyết định: Truy tố các bị cáo K, K1 và V ra trước Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương để xét xử về tội “Giết người” theo quy định tại các điểm a, n khoản 1 Điều 123 và Điều 15 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội với nội dung giữ nguyên nội dung cáo trạng đã truy tố. Tính chất,

mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp chưa đạt. Các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Về vai trò của các bị cáo trong vụ án: bị cáo K có mâu thuẫn với bị hại và chủ động mượn hung khí, trực tiếp chém bị hại T4 nên có vai trò cao nhất. Bị cáo V không có mâu thuẫn nhưng khi bị cáo K rủ đi thì tích cực tham gia, cung cấp hung khí, trực tiếp chém bị hại T4 nhưng không gây thương tích, ngoài vụ án này thì bị cáo còn bị điều tra về hành vi cố ý gây thương tích, giết người, gây rối trật tự công cộng trong vụ án khác. Bị cáo K1 phạm tội tự phát, đến hiện trường tiếp nhận ý chí của bị cáo K, chém bị hại C gây thương tích. Các bị cáo dùng hung khí chém vào đầu các bị hại, các bị hại chạy thoát, được sự can ngăn của người làm chứng nên các bị cáo không thể tiếp tục T6 công. Chỉ vì nguyên cơ nhỏ nhất mà các bị cáo sẵn sàng gây sự, dùng hung khí T6 công các bị hại thể hiện tính côn đồ. Các bị cáo không chủ động, bàn bạc chém bao nhiêu người, nhưng các bị cáo tiếp nhận ý chí, không giới hạn số lượng người bị chém, gây thương tích cho các bị hại, hành vi của các bị cáo hỗ trợ, giúp sức cho nhau, hậu quả là kết quả, hoạt động chung nên các bị cáo cùng phải chịu trách nhiệm, phạm tội thuộc tình tiết định khung giết nhiều người. Sau khi phạm tội, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo K, K1 đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho các bị hại và được các bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo V là người chưa thành niên tại thời điểm phạm tội nên áp dụng các quy định về người chưa thành niên phạm tội cho bị cáo V. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điểm a, n khoản 1 Điều 123; Điều 15; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo K mức hình phạt từ 14 năm tù đến 15 năm tù và bị cáo K1 từ 12 năm tù đến 13 năm tù về tội “Giết người” chưa đạt. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điểm a, n khoản 1 Điều 123; Điều 15; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo V mức hình phạt từ 12 năm tù đến 13 năm tù về tội “Giết người” chưa đạt. Về trách nhiệm dân sự: các bị hại không yêu cầu các bị cáo tiếp tục bồi thường thiệt hại nên đề nghị không xem xét. Về xử lý vật chứng: đề nghị tịch thu tiêu hủy dao thu giữ trong vụ án.

Người bào chữa chỉ định cho bị cáo K trình bày: Thống nhất với tội danh “Giết người” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự như Viện Kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo K. Tuy nhiên, người bào chữa không đồng ý với tình tiết định khung đối với bị cáo K theo điểm a khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự vì ý thức ban đầu bị cáo K không có ý định chém bị hại T4, chỉ đến giải quyết chuyện tiền bạc, khi đến quán thì phát sinh mâu thuẫn, bị cáo không có ý thức đến quán để chém ai, chỉ biết bị hại D1, không biết các bị hại T4 và C. Mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo K với mức hình phạt thấp hơn đề nghị của Viện Kiểm sát vì bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho các bị hại và các bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Hành vi gây thương tích chưa tước đoạt tính mạng, thuộc trường hợp chưa đạt nên đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Sự việc xảy ra xuất phát từ một phần lỗi của bị hại T4 khi dùng vỏ chai bia T6 công bị cáo K. Bị cáo K là lao động chính trong gia đình, có

con còn nhỏ, sinh năm 2018. Mong Hội đồng xét xử áp dụng mức án phù hợp, thấp hơn đề nghị của Viện Kiểm sát để bị cáo có cơ hội lo cho con và gia đình.

Người bào chữa chỉ định cho bị cáo K1 trình bày: Bị cáo K1 đã thực hiện hành vi giết người. Người bào chữa thống nhất với tội danh mà Viện Kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo K1. Tuy nhiên, mức hình phạt Viện Kiểm sát đề nghị đối với bị cáo K1 là nghiêm khắc vì bị cáo K1 có nhân thân tốt, mục đích đến quán chỉ để giúp bạn, ý chí tự phát. Bị cáo không có tiền án tiền sự. Về tình tiết giảm nhẹ: người bào chữa thông nhất các tình tiết mà Viện Kiểm sát đã đề nghị. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo K1 nhằm thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, xem xét giảm nhẹ cho bị cáo K1 so với mức hình phạt mà Viện Kiểm sát đề nghị.

Người bào chữa chỉ định cho bị cáo V trình bày: Các tình tiết trong vụ án đã được làm rõ. Người bào chữa thống nhất về tội danh, khung hình phạt mà Viện Kiểm sát truy tố đối với bị cáo V. Bị cáo V là người chưa thành niên, cha mẹ chết sớm nên không có sự nuôi dạy, không ai quan tâm. Bị cáo không có ai thăm nuôi nên không thể thực hiện việc bồi thường thiệt hại cho các bị hại. Mong Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh và các quy định về người chưa thành niên phạm tội để áp dụng đối với bị cáo V nhằm giáo dục bị cáo. Căn cứ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, các quy định về người chưa thành niên phạm tội thì mức án Viện Kiểm sát đề nghị đối với bị cáo V là rất nặng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và không có ý kiến về nội dung truy tố của Viện Kiểm sát.

Các bị hại T4, C yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo K, K1 và không yêu cầu các bị cáo tiếp tục bồi thường thiệt hại.

Bị hại D1 không có yêu cầu gì.

Bị cáo K nói lời sau cùng: bị cáo rất hối hận, xin Hội đồng xét xử xem xét áp dụng mức án thấp nhất để bị cáo sớm về với vợ, con và gia đình. Bị cáo xin lỗi các bị hại.

Bị cáo K1 nói lời sau cùng: bị cáo xin lỗi các bị hại, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

Bị cáo V nói lời sau cùng: bị cáo xin lỗi các bị hại, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra – Công an tỉnh Bình Dương, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương, hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên thực hiện việc điều tra, truy tố đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người bào chữa và những người tham

gia tổ tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra và lời khai của những người làm chứng, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở kết luận: xuất phát từ mâu thuẫn trong việc vay tiền giữa Vương Minh K, Nguyễn Tuấn K1 và ông Nguyễn Văn D1 nên ngày 19/4/2019, K, K1 và Lê Thanh V mang theo hung khí đến quán Út T10 tại ấp L, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương gặp ông D1 để giải quyết mâu thuẫn. Khi đến quán, K, K1 và V đã dùng dao tự chế chém các bị hại D1, T4 và C. Ông D1 chạy thoát, ông T4 bị K chém vào đầu nhưng dùng tay đỡ và tránh được nên bị chém trúng vào hai tay và thái dương trái gây thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 32%, ông C bị K1 chém vào đầu nhưng dùng tay đỡ nên bị đứt tay và đỉnh trán gây thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 17%.

[3] Hành vi của các bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội. Về nhận thức, các bị cáo biết rõ hành vi dùng hung khí nguy hiểm chém vào đầu các bị hại có khả năng tước đoạt tính mạng của các bị hại và trái pháp luật, chỉ vì mâu thuẫn nhỏ nhất mà các bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội, thể hiện tính côn đồ, ý thức xem thường pháp luật và bất chấp hậu quả. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây thương tích cho các bị hại T4, C, gây tâm lý hoang mang cho người dân sinh sống tại khu vực, ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm mà các bị cáo đã thực hiện. Hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Giết người” thuộc trường hợp chưa đạt, tội phạm và hình phạt được quy định tại các điểm a, n khoản 1 Điều 123 và Điều 15 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Vì vậy, cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Vai trò của các bị cáo trong vụ án: bị cáo K có vai trò là người chủ mưu, rủ rê các bị cáo khác và trực tiếp thực hiện hành vi dùng dao chém bị hại T4. Bị cáo K1 có vai trò trực tiếp thực hiện hành vi dùng dao chém bị hại C, giúp sức, củng cố, hỗ trợ về mặt tinh thần, cùng thống nhất ý chí với bị cáo K, V thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo V là người giúp sức, cung cấp các hung khí, hỗ trợ về mặt tinh thần, cùng thống nhất ý chí với các bị cáo K, K1 thực hiện hành vi phạm tội.

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Bình Dương tình trạng người dân giải quyết mâu thuẫn bằng hung khí ngày càng gia tăng, gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng. Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo cũng như vai trò của từng bị cáo, Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tù tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo, cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục đối với các bị cáo cũng như phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo K xúi giục người dưới 18 tuổi (bị cáo V) phạm tội là tình tiết tăng nặng quy định tại điểm o khoản 1 Điều

52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Các bị cáo K1, V không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: sau khi phạm tội, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo K và bị cáo K1 đã tác động gia đình bồi thường một phần thiệt hại cho các bị hại. Các bị hại T4, C xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo K, K1. Do đó, cần áp dụng cho các bị cáo K, K1 các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và áp dụng cho bị cáo V tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Đối với các tình tiết mà bà Đặng Thị T1 (là mẹ ruột của bị cáo K1) cung cấp thể hiện bà T1 có ông, bà, cô, dì, cậu là người có công với cách mạng không phải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo K1 nên Hội đồng xét xử không áp dụng.

[6] Bị cáo V tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội là người chưa thành niên nên Hội đồng xét xử áp dụng các quy định về người dưới 18 tuổi phạm tội theo Điều 91 và Điều 101 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo V.

[7] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo là phù hợp. Tuy nhiên, mức hình phạt áp dụng đối với các bị cáo là nặng, chưa phù hợp với tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra.

Người bào chữa chỉ định cho bị cáo K cho rằng bị cáo K không giết nhiều người là không có cơ sở chấp nhận vì bị cáo K là người chủ mưu, rủ rê các bị cáo khác thực hiện hành vi phạm tội. Khi đến gặp bị hại D1, bị cáo K vô cớ gây sự, các bị cáo không bàn bạc sẽ chém ai, chém như thế nào nhưng bị cáo K cùng các bị cáo khác thống nhất ý chí, hỗ trợ nhau thực hiện hành vi chém các bị hại nên các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp giết nhiều người.

Ý kiến của những người bào chữa chỉ định cho các bị cáo về áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo là có cơ sở chấp nhận. Tuy nhiên, người bào chữa cho bị cáo K1 đề nghị áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo K1 là không có cơ sở chấp nhận.

[8] Về trách nhiệm dân sự: tại phiên tòa, các bị hại không yêu cầu các bị cáo tiếp tục bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là bà Đặng Thị T1 và bà Văn Thị Thanh H1 không yêu cầu các bị cáo trả lại số tiền mà bà T1 và bà H1 đã bồi thường cho các bị hại T4, C nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Về xử lý vật chứng: 01 dao tự chế dài 52cm là công cụ bị cáo K1 sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, 02 chiếc lồng màu trắng của quạt máy và 02 chiếc ghế màu đỏ đã bị gãy thành nhiều mảnh không còn giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy.

[10] Về án phí:

Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a, c khoản 1 Điều 23, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết này,

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố các bị cáo Vương Minh K, Nguyễn Tuấn K1 và Lê Thanh V phạm tội “Giết người” chưa đạt.

Căn cứ các điểm a, n khoản 1 Điều 123; Điều 15; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 57 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017),

Xử phạt: Bị cáo Vương Minh K 13 (mười ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/7/2019.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Tuấn K1 10 (mười) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/7/2019.

Căn cứ các điểm a, n khoản 1 Điều 123; Điều 15; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 57; Điều 58; Điều 91 và Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017),

Xử phạt: Bị cáo Lê Thanh V 10 (mười) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

2. Về xử lý vật chứng: căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 dao tự chế (mã tấu) dài 52cm, cán tròn quấn băng dính màu đen dài 14,4cm, đường kính 3,3cm, lưỡi dao dài 37,6cm, bản rộng 5,2cm; 02 (hai) chiếc lồng màu trắng (mặt trước và sau) của quạt máy và 02 (hai) chiếc ghế màu đỏ có tựa lưng, đã bị gãy thành nhiều mảnh.

Vật chứng thể hiện tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 03/8/2020.

3. Án phí hình sự sơ thẩm: các bị cáo Vương Minh K, Nguyễn Tuấn K1 và Lê Thanh V mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các bị cáo, các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (Vụ GDKT I);
- Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương;
- Trại Tạm giam - Công an tỉnh Bình Dương;
- Phòng Hồ sơ - Công an tỉnh Bình Dương;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ và Thi hành án (6);
- Người tham gia tố tụng (11);
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi các bị cáo thường trú (thay văn bản thông báo) (3);
- Lưu VP (3), hồ sơ vụ án, NTN, 33.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Huy Toàn